

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Công nghệ thông tin (Áp dụng từ K15)

(Ban hành theo Quyết định số 738/QĐ-TĐHHT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Điều kiện tiên quyết	Mức đào tạo
			LT	BT /TH	Tự học		
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC (Không kể GDTC và GDQP-AN)							
7.1.1. Lý luận chính trị		13					
11140165	Triết học Mác-Lênin	3	30	15	90		1
11140474	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	9	60	11140165	1
11140753	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	9	60	11140165; 11140474	2
11140209	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9	60		2
11140721	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	9	60		1
30432001	Pháp luật đại cương	2	21	9	60		1
7.1.2. Khoa học xã hội – nhân văn		9					
- Học phần bắt buộc		3					
31012123	Phát triển kỹ năng (NCKH, KN mềm, KN học tập, KN tìm kiếm việc làm...)	3	30	15	90	30712006	1
- Ngôn ngữ (chọn 2 học phần Tiếng Anh/ Tiếng Việt)		6					
30321001	Tiếng Anh 1	3	29	16	90		1
30322013	Tiếng Việt nâng cao 1	3	30	15	90		
30321014	Tiếng Việt nâng cao 2	3	30	15	90	30322013	1
30321002	Tiếng Anh 2	3	29	16	90	30321001	
7.1.3. Khoa học tự nhiên		9					
- Bắt buộc		3					
30511001	Tin học đại cương	3	30	30*	75		1
30111057	Toán cao cấp	3	36	9	90		
- Tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)		3					2
30112060	Xác suất Thống kê và Phương pháp tính	3	30	15	90		1
30523017	Thương mại điện tử và triển khai ứng dụng	3	30	15	90	30523002	
30111056	Vật lý đại cương	3	30	15	90		
7.1.4. Giáo dục thể chất		3*					

30991111	Giáo dục thể chất 1	1*	0	30*	30		1
30991112	Giáo dục thể chất 2	1*	0	30*	30		1
30992113	Giáo dục thể chất 3	1*	0	30*	30		1
30992114	Giáo dục thể chất 4	1*	0	30*			2
7.1.5. Giáo dục quốc phòng		8					
31111001	Giáo dục quốc phòng 1	3	45	0	90		1
31111002	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	60		1
31111003	Giáo dục quốc phòng 3	3*	0	90*	45		1
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		90					
7.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành		27					
30512004	Toán rời rạc	3	30	15	90	30511002	1
30512006	Nhập môn cơ sở dữ liệu	3	30	15	90	30511002	1
30511005	Kiến trúc máy tính và Vi xử lý	3	30	15	90	30511001	2
30511013	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	30	15	90	30511001	1
30512008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	15	90	30511002	2
30511002	Kỹ thuật lập trình	3	30	30*	90	30511001	1
30522001	Nhập môn mạng máy tính	3	30	15	90	30512005	2
30523002	Hệ điều hành	3	30	15	90	30511001	3
<i>- Tự chọn (1 học phần tương đương 3 tín chỉ)</i>							
30323003	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	3	30	15	90	30321001	1
						30321002	
30522017	Tiếng Việt chuyên ngành CNTT					30322013	
						30322014	
7.2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành		36					
<i>- Bắt buộc</i>		<i>30</i>					
30512007	Lập trình hướng đối tượng	3	30	15	90	30511002	1
30512018	Lập trình ứng dụng	3	30	30*	90	30511013	2
30522003	Công nghệ phần mềm	3	30	15	90	30512006	2
30512009	Phân tích và thiết kế hệ thống TT	3	30	15	90	30512018	2
30523004	Thiết kế và lập trình Web 1	2	15	30	90	30511002	2
30523005	Thiết kế và lập trình Web 2	2	15	15	90	30523004	2
30513011	Trí tuệ nhân tạo	3	30	15	90	30512008	2
30524005	Quản trị mạng	3	30	15	90	30523002	2
30514019	Ứng dụng phát triển mã nguồn mở	3	30	15	90	30512006	2
30523006	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	2	15	15	90		2
30512020	Đồ án môn học 1	1					1
30513021	Đồ án môn học 2	1				30522001	2

30513023	Đồ án môn học 3	1				30513021	2
- Tự chọn 1 (1 học phần tương đương 3 tín chỉ)		3					
30524007	Lập trình ứng dụng di động	3	30	15	90	30512018	2
30524008	Hệ quản trị dữ liệu Oracle	3	30	15	90	30523004	
30513012	Nhập môn công nghệ tri thức và máy học	3	30	15	90	30513011	
- Tự chọn 2 (1 học phần tương đương 3 tín chỉ)		3					
30524010	Kiểm chứng phần mềm	3	30	15	90	30523002	2
30513010	Nhập môn phát triển Game	3	30	15	90	30512018	
30524011	Mạng không dây và di động	3	30	15	90	30522001	
7.2.3. Thực tập, học nghề hoặc học thuật		27					
Sinh viên tích lũy đủ 27 TC tự chọn sau đây							
- Hình thức 1: Thực tập 1 năm tại cơ sở thực tập		27					3
+ Thực tập 1 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ CT học thuật)		9	0	405			2
+ Thực tập 2 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ CT học thuật)		9	0	405			2
+ Thực tập tốt nghiệp và báo cáo thu hoạch Thực tập (hoặc 3 học phần từ CT học thuật)		9	0	405			2
- Hình thức 2: Học nghề 1 năm tại trường nghề		27					2
Sinh viên hoàn thành 27 TC của trường nghề hoặc 27 TC theo chương trình học thuật		27					2
- Hình thức 3: Chương trình học thuật		27					2
+ 6 học phần chuyên sâu		18					2
Khối kiến thức bắt buộc							
30524013	Phân tích thiết kế mạng	3	30	15	90	30522001	3
30523014	Lập trình mạng	3	30	15	90	30522001	3
30514024	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	30	15	90	30512008	3
30514014	An toàn và bảo mật thông tin	3	30	15	90	30512009	3
- Khối kiến thức tự chọn 3 (chọn 1 trong 3 học phần sau)		3					
30514015	Automat và ngôn ngữ hình thức	3	30	15	90	30512008	3
30514025	Xử lý ảnh	3	30	30*	90	30511002	
30514016	Hệ cơ sở dữ liệu phân tán	3	30	15	90	30514016	
- Khối kiến thức tự chọn 4 (chọn 1 trong 3 học phần sau)		3					
30524014	Thực hành hệ điều hành mạng	3	30	15	90		3
30514017	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3	30	15	90	30512009	

30524006	Ứng dụng CSDL trên nền Web	3	30	15	90	30512006 30523004	
+ Thực tập tốt nghiệp		3					
+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2/3 học phần thay thế		6					3
30524015	Chuyên đề mạng máy tính	3	30	15	90	30523014	3
30514021	Chuyên đề hệ thống thông tin	3	30	15	90	30514014	
30524016	Chuyên đề phát triển ứng dụng	3	30	15	90	30513023	
Tổng khối lượng toàn khóa		121					

Ghi chú: Mức 1: Dạy ở Kỳ: 1, 2, 3; Mức 2: Dạy ở kỳ: 4, 5, 6; Mức 3: Dạy ở kỳ: 7, 8